TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:38 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13- 11 - 2018
"V/v: Xin Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hoài Bão.

2. Ông Nguyễn Văn Mạnh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Thắng– Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh ĐăkLăk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 về việc "*Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/10/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T – Sinh năm: 1997 – *Có mặt*.
Địa chỉ: Buôn J, xã EK, huyện C, tỉnh ĐắkLắk.

2. Bị đơn: Anh Bùi Xuân Đ – Sinh năm: 1986 – *Vắng mặt*.
Địa chỉ: Buôn J, xã EK, huyện C, tỉnh ĐắkLắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn:*** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa chị Phạm Thị T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị T và anh Bùi Xuân Đ đăng ký kết hôn ngày 26/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đăk Lăk trên cơ sở tự nguyện của cả hai người. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến khoảng tháng 04 năm 2017 thì cuộc sống của anh chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể nào hàn gắn. Nguyên nhân là

do tính tình không hợp nhau, thường hay bất đồng về quan điểm và lối sống nên dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình, hàng xóm và chính quyền địa phương nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được tình trạng mâu thuẫn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể duy trì và kéo dài. Vì vậy chị T đề nghị được ly hôn với anh Đ.

- *Về con chung:* Anh chị có với nhau 01 con chung là cháu Bùi Phạm Bảo N, sinh ngày 02/6/2017, hiện nay cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở với anh chị. Hiện tại cháu đang còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ. Vì vậy sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn:*** Tại bản tự khai, quá trình hòa giải anh Bùi Xuân Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung anh Đ đồng ý với lời trình bày của chị T và không bổ sung gì thêm. Về đời sống tình cảm vợ chồng, anh Đ thừa nhận giữa anh và chị T có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Tuy nhiên, anh xác định vẫn thương vợ con, không muốn con cái sống trong cảnh thiếu tình thương yêu của bố mẹ. Vì vậy anh Đ không đồng ý ly hôn mà có nguyện vọng xin được đoàn tụ. Còn trong trường hợp chị T đã cương quyết muốn ly hôn thì anh Đ đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Bùi Phạm Bảo N, sinh ngày 02/6/2017, hiện nay con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở với chị T, anh Đ.

Trường hợp hai vợ chồng ly hôn thì anh Đ đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình xét xử và của Hội đồng xét xử, Thư ký và của đương sự tại phiên tòa, cũng như phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng:

- *Đối với Thẩm phán*: Đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Đối với HĐXX, thư ký phiên tòa:* Đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

- *Đối với đương* sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 70; Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn thực hiện chưa đúng quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị T và anh Bùi Xuân Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn hợp pháp theo quy định của pháp luật. Quá trình duy trì cuộc sống hôn nhân đã sinh nhiều mâu thuẫn, kéo dài mà không có biện pháp hay ý thức khắc phục. Vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Tâm. Chị T được ly hôn với anh Đ.

- *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Phạm Bảo N, sinh ngày 02/6/2017. Tại phiên tòa chị T có nguyện vọng xin trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu N, hiện nay cháu ngân còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, nên giao cháu cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết .

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí HNGĐ-ST: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục: Bị đơn cần thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Bùi Xuân Đ mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt ông Bùi Xuân Đ là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung*: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Chị Phạm Thị T và anh Bùi Xuân Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày

26/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K theo đúng quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình duy trì cuộc sống hôn nhân; theo chị T thì thời gian đầu cuộc sống của anh chị cũng hạnh phúc, nhưng càng về sau càng nảy sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng gay gắt, trầm trọng không thể hàn gắn được. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, thường hay bất đồng về quan điểm lối sống nên dẫn đến thường hay cãi vã nhau. Nay chị T cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể duy trì nên chị đề nghị được ly hôn với anh Đ. Về phía anh Đ cùng thừa nhận cuộc sống của anh chị cũng có nhiều mâu thuẫn, song anh vẫn còn tình cảm thương vợ và mong được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Trong trường hợp chị T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn thì bản thân anh Đ cũng đồng ý.

Qua xác minh tại địa phương thì được biết: Chị T và anh Đ là vợ chồng có đăng ký kết hôn hợp pháp và cư trú tại địa phương. Quá trình chung sống anh chị xẩy ra nhiều mâu thuẫn, kéo dài mà không có ý thức hàn gắn hay khắc phục. Nay chị T có đơn xin ly hôn quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4]Tại phiên tòa; Nguyên đơn chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã rất trầm trọng và kéo dài. Trong thời gian xảy ra mâu thuẫn, mặc dù đã được hai bên gia đình, chính quyền địa phương động viên, hòa giải nhiều lần nhưng anh chị vẫn không có ý thức để hàn gắn, duy trì cuộc sống gia đình. Vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ.

- *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Phạm Bảo N, sinh ngày 02/6/2017, hiện tại cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Tại phiên tòa chị T xin trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu N. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu N còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, cần sự gần gũi và bàn tay chăm sóc của mẹ, nên cần thiết giao cháu cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết .

*Tài sản chung, nợ chu*ng: Hai bên không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí LHST*: Nguyên đơn chị Phạm Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Bùi Xuân Đ.

- *Về con chung:* Giao cháu Bùi Phạm Bảo N, sinh ngày 02/6/2017 cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên bố mẹ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Bùi Xuân Đ được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản quyền này.

- *Tài sản chung, nợ chung:* Hai bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- *Về án phí LHST:* Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0006782 ngày 23/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM’gar, tỉnh ĐắkLắk.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND huyện CưM’gar;
- CC THADS huyện CưM’gar;
- Nguyên đơn; bị đơn;
- UBND xã C,K;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

NGUYỄN QUANG CẢNH